

Bản án số: 67/2021/HS-ST
Ngày: 24/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc T (L), sinh năm 1981; nơi sinh: tại Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 26D, đường L, tổ 56, phường Phú T, Quận T, Thành phố H.C.M; nơi đăng ký tạm trú, chỗ ở hiện nay: ấp A.T, xã H.B, huyện C.M, tỉnh An Giang; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Th, sinh năm 1952 và bà Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1953; chồng trước Phan Chí Th1 (đã ly hôn), có 02 con; có chồng là Huỳnh Trọng Đ, sinh năm 1984 (bị cáo trong cùng vụ án); có con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/6/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Trọng Đ, sinh năm 1984; nơi sinh: tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp A.T, xã H.B, huyện C.M, tỉnh An Giang; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Trọng V (chết) và bà Trần Thu L, sinh năm 1958; có vợ là Lê Ngọc T, sinh năm 1981 (bị cáo trong cùng vụ án); có con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/6/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Phạm Thanh Đ1, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp A.T, xã H.B, huyện C. M, tỉnh A.G, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Nguyễn Văn P, Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P – Đoàn luật sư tỉnh An Giang, (có mặt).

Người làm chứng:

- Ông Trần Văn T1, sinh năm 1982; (có mặt).
- Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1994; (Vắng mặt).
- Ông Tạ Thành O, sinh năm 1953; (Vắng mặt).
- Ông Lê Tú Q, sinh năm 1954; (Vắng mặt).
- Bà Võ Thị Mỹ T2, sinh năm 1987; (Có mặt).
- Ông Võ Hùng C, sinh năm 1963; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 11/02/2021, Huỳnh Trọng Đ, Lê Ngọc Th (vợ của Đ) tổ chức uống bia cùng với Phạm Thanh Đ1, Trần Văn T1 tại nhà Đ, T thuộc ấp A.T, xã H.B, huyện C.M. Trong lúc uống bia, Đ, T nhắc lại việc Đ1 giới thiệu Th2 (không rõ họ, địa chỉ) vay của Đ, T 20.000.000 đồng, nhưng Thịnh không trả dẫn đến xảy ra cự cãi. Tức giận, Đ lấy cây dao bằng kim loại dài 30,5m để trên bàn bên cạnh đó, cầm trên tay phải chém 01 cái trúng vào vùng má trái của Đ1, Đ1 bỏ chạy, Đ cầm cây dao đi bộ theo Đ1; T dọn dẹp xong thức ăn trên bàn, không thấy Đ quay về, sợ Đ bị Đ1 đánh nên T cầm cây dao kim loại dài 21,7m đi tìm Đ. Riêng Đ1 chạy về tiệm cơ khí “Năm Nhẫn” của Đ1 cách nhà Đ, T khoảng 30m lấy thanh kim loại dài 67cm, quay lại đánh nhau với Đ. Khi thấy Đ cầm cây dao đi bộ đến, Đ1 cầm thanh kim loại xông đến định đánh Đ thì bị T đứng phía sau lưng, tay trái nắm cổ áo, tay phải cầm dao đâm trúng vào vùng lưng phải của Đ1 gây thương tích thì Đ1 bỏ chạy về nhà và được gia đình đưa đến Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang cấp cứu, điều trị đến ngày 13/02/2021 thì ra viện.

Quá trình điều tra, thu giữ vật chứng: 01 cây dao bằng kim loại dài 30,5cm, 01 cây dao bằng kim loại dài 21,7 cm và 01 thanh kim loại dài 67cm.

Tại Bản kết luận định pháp y về thương tích số 190/21/TgT ngày 27/4/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, xác định thương tích của Phạm Thanh Đ1: Sẹo mờ má trái, kích thước (3 x 0,1)cm, gợn 01% do vật sắc gây nên; sẹo lưng phải, kích thước 2,5 x 0,3 cm, đứng dọc, thấu thận phải 11%. Tỷ lệ phần trăm cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12%, Kết luận khác: thương tích do vật sắc và vật sắc nhọn gây nên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Mới khởi tố để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 70/CT-VKSCM ngày 28/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo Lê Ngọc T (L) theo điểm đ khoản 2 Điều 134 và Huỳnh Trọng Đ theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố; bị cáo Đ khai trong lúc uống bia thì xảy ra mâu thuẫn với bị hại, bị cáo lấy cây dao bằng kim loại dài 30,5m để trên bàn gần đó, cầm trên tay phải chém 01 cái trúng vào vùng má trái của Đ1, Đ1 bỏ chạy, bị cáo cầm cây dao đi bộ theo Đ1 khi Đ1 chạy về tiệm cơ khí “Năm Nhẫn” của Đ1 cách nhà bị cáo khoảng 30m lấy thanh kim loại dài 67cm, quay lại đánh nhau với bị cáo; khi bị cáo đứng đối diện Đ1 cách nhau khoảng 2m thì nhìn thấy vợ bị cáo câu cổ Đ1, nghe T nói lại đã đâm vào lưng Đ1 gây thương tích.

- Bị cáo T sợ Đ bị Đ1 đánh nên lấy con dao đang để trên bếp đi tìm, khi thấy Đ1 cầm cây đứng đối diện cự cãi với Đ, lúc này bị cáo T từ phía sau lưng, tay trái nắm cổ áo, tay phải cầm dao đâm trúng vào vùng lưng phải của Đ1 gây thương tích. Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

- Bị hại Phạm Thanh Đ1 xác định, ngày 11/02/2021, bị Đ dùng cây dao bằng kim loại chém gây thương tích ở vùng mặt, T dùng dao gây thương tích ở vùng lưng phải. Yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo, về dân sự, yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí điều trị số tiền 3.013.200 đồng, ngoài ra không yêu cầu khoản tiền nào khác, kể cả khoản tổn thất tinh thần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, đánh giá tính chất vụ án, mức độ và hậu quả của vụ án tác động đến xã hội, phân tích các tình tiết định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nêu Luận tội vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc T, Huỳnh Trọng Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T (L) từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 điều 134; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Trọng Đ khoảng 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường chi phí điều trị số tiền 3.013.200 đồng, ngoài ra không yêu cầu khoản tiền nào khác, kể cả khoản tổn thất tinh thần, đây là sự tự nguyện của bị hại, không trái luật các bị cáo đồng ý nên ghi nhận; buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường

số tiền 3.013.200 đồng cho bị hại; ghi nhận các bị cáo đã nộp khác phục hậu quả số tiền 5.000.000 đồng; số tiền còn dư hoàn lại cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, 02 (hai) con dao các bị cáo sử dụng để gây thương tích cho bị hại, 01 thanh kim loại của bị hại là công cụ liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên tịch thu tiêu hủy.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại phát biểu, xem xét về trách nhiệm hình sự các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thể hiện tính côn đồ, xem thường pháp luật nên đề nghị xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe, mục đích phòng ngừa chung trong xã hội, cụ thể đề nghị xử bị cáo T mức hình phạt 03 năm tù, bị cáo Đ 6 tháng theo đề nghị của Kiểm sát viên.

Về trách nhiệm dân sự, giai đoạn điều tra bị hại yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường chi phí điều trị số tiền 3.013.200 đồng và tại phiên tòa hôm nay bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu, ngoài ra không yêu cầu khoản tiền nào khác, kể cả khoản tổn thất tinh thần. Đề nghị, xem xét chấp nhận.

Sau khi nghe quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người làm chứng Trần Văn T1, Nguyễn Ngọc K, Tạ Thành O, Lê Tú Q, Võ Hùng C đều vắng mặt không rõ lý do, những người này đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng theo đúng quy định. Quá trình điều tra đã thu thập đầy đủ lời khai, sự vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ tại phiên tòa nếu cần thiết. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa và trong giai đoạn điều tra là phù hợp với nhau; phù hợp lời khai bị hại, những người làm chứng về diễn biến, tình tiết của vụ án; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường lập ngày 19/5/2021; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 190/21/TgT ngày 27/4/2021 Trung tâm pháp y tỉnh An Giang và

phù hợp hung khí các bị cáo, bị hại, người làm chứng mô tả lại, được thu giữ, phù hợp với cơ chế hình thành vết thương của bị hại. Ngoài ra, còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Có cơ sở xác định, khoảng 17 giờ ngày 11/02/2021, trong lúc uống bia cùng nhau tại nhà của các bị cáo Đ, T thuộc ấp A.T, xã H.B, huyện C.M thì các bị cáo phát sinh mâu thuẫn với bị hại, không kiềm chế, bị cáo Đ lấy cây dao bằng kim loại để trên bàn gần đó, cầm trên tay phải chém 01 cái trúng vào vùng má trái của bị hại Đ1; Đ1 bỏ chạy, Đ cầm cây dao đi bộ theo Đ1; Khi dọn dẹp xong thức ăn, không thấy Đ quay về, sợ Đ bị Đ1 đánh nên bị cáo T cầm cây dao kim loại đi tìm; thấy Đ cầm cây dao đứng đối diện với Đ1, Đ1 cầm thanh kim loại xông đến định đánh Đ thì lúc này bị cáo T đứng từ phía sau, tay trái nắm cổ áo, tay phải cầm dao đâm trúng vào vùng lưng phải của Đ gây thương tích.

Hành vi bị cáo Đ dùng dao kim loại dài 30,5cm chém vào vùng má trái, bị cáo Thanh dùng dao kim loại dài 21,7cm đâm vào vùng lưng phải của bị hại; theo kết luận định pháp y về thương tích số 190/21/TgT ngày 27/4/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, xác định thương tích của bị hại Đ1: Sẹo mờ má trái, gọn 01% do vật sắc gây nên; sẹo lưng phải, kích thước 2,5 x 0,3 cm, đứng dọc, thấu thận phải 11%. Tỷ lệ phần trăm cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12%, Kết luận khác: thương tích do vật sắc và vật sắc nhọn gây nên.

Căn cứ tiêu mục 2.1, 2.2 mục 2, Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP - TANDTC ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì 02 con dao các bị cáo sử dụng chém, đâm bị hại được xác định là “*hung khí nguy hiểm*”; với lý do, chỉ vì nguyên nhân nhỏ nhất phát sinh trong lúc uống bia, lẽ ra, các bị cáo phải kiềm chế bản thân, có cách xử sự khác cho phù hợp, nhưng ngược lại các bị cáo không kiềm chế vô cớ gây thương tích cho bị hại thể hiện rõ bản chất “*côn đồ*” của các bị cáo; Mặt khác, bị hại có yêu cầu xử lý hình sự đối với các bị cáo.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định, hành vi của các bị cáo T, Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”; cụ thể, hành vi của bị cáo T thuộc tình tiết định khung tại điểm đ khoản 2 Điều 134 và hành vi của bị cáo Đ được quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố các bị cáo về tội danh, điểm, khoản, điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, có căn cứ.

[3] Các bị cáo là người trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn bất chấp, cố ý thực hiện với ý thức mong muốn hậu quả xảy ra, nguyên nhân xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất trong lúc uống bia giữa vợ chồng bị cáo với bị hại; lẽ ra, các bị cáo cần bình tĩnh, kiềm chế để có giải pháp xử sự khác phù hợp thể hiện tính lịch sự, nhân văn, không làm được điều đó, với

bản tính hung hăng, cố chấp, sẵn sàng hơn thua, bị cáo Đ đã lấy con dao đang để trên bàn cạnh bị cáo đang ngồi chém vào vùng mặt bị hại, khi bị hại bỏ chạy thì bị cáo cũng lập tức mang theo dao chạy theo; bị cáo T không những không khuyên can chồng mình mà chỉ vì sợ T bị đánh nên mang theo dao đi tìm, khi nhìn thấy Đ và Đ1 đứng đối diện lời qua tiếng lại thì bị cáo từ phía sau tay trái nắm cổ áo, tay phải cầm dao đâm trúng vào vùng lưng phải của Đ gây thương tích.

Các bị cáo cùng gây ra thương tích cho bị hại nhưng không có tính chất đồng phạm, không có sự bàn bạc, cấu kết nhau mà chỉ xuất phát từ những mâu thuẫn nhất thời bộc phát, hành vi của các bị cáo thể hiện sự riêng lẻ, cá nhân nên mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi độc lập do mình gây ra.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây lo sợ trong nhân dân mỗi khi phát sinh mâu thuẫn thì giải quyết, hành xử bằng vũ lực mà không cần đến sự can thiệp của chính quyền địa phương nên cần xử phạt mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đánh giá về tình tiết khác có liên quan đến vụ án, việc bị cáo T khai bị Đ1 ném lon bia trúng vào vùng hông bên trái, nhưng thương tích không đáng kể, từ chối giám định, không yêu cầu xử lý hình sự đối với Đ1, là tự nguyện, phù hợp pháp luật, không thuộc trường hợp bắt buộc giám định để xử lý hình sự; và hành vi khi bị cáo T cầm dao đứng đối diện với chị T2, do xô đẩy bỏ chạy tay chị T2 trúng con dao T đang cầm, đây không phải ý muốn của bị cáo, mà do chị T2 tự chủ động gây ra, chị T2 bị trầy xước nhẹ, đã lành, không yêu cầu xử lý hình sự hay yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo nên Cơ quan điều tra không đề cập giải quyết trong cùng vụ án là phù hợp.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện được sự ăn năn hối cải, khắc phục bồi thường hậu quả cho bị hại được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51; bị cáo Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi, bị cáo Đ bị bệnh nhồi máu não, có tật ở chân, các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự là tình tiết giảm nhẹ khác được quy định khác tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đây là các tình tiết được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc là căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo gây ra thương tích xâm phạm đến sức khỏe người khác thì phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí điều trị số tiền 3.013.200 đồng, bị hại có cung cấp hóa đơn, chứng từ; ngoài ra không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác, kể cả khoản tổn thất tinh thần, đây là sự tự nguyện của bị hại, không trái luật các bị cáo đồng ý nên ghi nhận sự thỏa thuận này.

Buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại Phạm Thanh Đ1 số tiền 3.013.200 đồng; Quá trình điều tra các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả 5.000.000 đồng. Bị hại Phạm Thanh Đ1 được nhận 3.013.200 đồng từ số tiền các bị cáo nộp khắc phục hậu quả; Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự.

Do nộp dư nên các bị cáo được hoàn lại số tiền 1.986.800 đồng theo giấy nộp tiền mặt của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới ngày 06/7/2021 tại Kho bạc nhà nước huyện Chợ Mới; biên lai thu tiền số số 0003620 ngày 24/12/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới quản lý.

[7] Về xử lý vật chứng, quá trình điều tra thu giữ 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 30,5cm; 01(một) cây dao bằng kim loại dài 21,7 cm và 01(một) thanh kim loại dài 67cm, đây là hung khí các bị cáo dùng thực hiện tội phạm, bị hại dùng đánh nhau với bị cáo Đ, không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Đánh giá Luận tội của Kiểm sát viên và quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích cho bị hại:

[9.1] Luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp được Hội đồng xét xử xem xét.

[9.2] Quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại của Luật sư với những nội dung có căn cứ được chấp nhận. Đối với quan điểm cho rằng đề nghị xử nghiêm bị cáo T với mức án 03 năm tù.

Tuy nhiên, cần đánh giá trong vụ án này, bị cáo chỉ vì bệnh vực, sợ chồng mình là bị cáo Đ bị Đ1 đánh nên thực hiện hành vi phạm tội, trước đó bị hại cũng dùng lon bia ném vào người bị cáo. Mặt khác, bị cáo cũng đang nuôi con nhỏ, các bị cáo là vợ chồng trong vụ án nên Hội đồng xét xử có căn nhắc khi lượng hình đối với bị cáo T;

Do đó, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận đề nghị của Luật sư về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc T (L), Huỳnh Trọng Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T (L) 02 năm tù (hai năm). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 13/6/2021.

Căn cứ điểm a, i khoản 1 điều 134; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Trọng Đ 06 tháng tù (sáu tháng). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm dân sự: *Căn cứ Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật dân sự;*

Ghi nhận các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại.

Bị hại Phạm Thanh Đ1 được liên hệ Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới nhận số tiền 3.013.200 đồng (Ba triệu không trăm mười ba nghìn hai trăm) các bị cáo nộp khắc phục hậu quả.

Các bị cáo được hoàn lại số tiền đã nộp dư 1.986.800 đồng (một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm).

Số tiền trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới tạm quản lý. Theo biên lai thu tiền số 0003620 ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Về xử lý vật chứng: *Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;*

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 30,5cm, 01(một) cây dao bằng kim loại dài 21,7 cm và 01(một) thanh kim loại dài 67cm.

Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tạm quản lý.(*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Mới và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 24/12/2021*).

4. Về án phí: *Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;*

Bị cáo Lê Ngọc T, Huỳnh Trọng Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Nhà Tạm giữ - Công an H. Chợ Mới;
- CQTHAHS - Công an H. Chợ Mới;
- CQĐT - Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- BP Thi hành án - Tòa án;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HSVA; Văn phòng TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong